

An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước biến đổi chậm. Mức nước cao nhất cao hơn TBNN từ 20-25cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước biến đổi chậm. Mức nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-15cm và cao hơn TBNN từ 25-35cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 29/3 phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước xuống chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống chậm theo triều tới ngày 01/4. Đỉnh triều ở mức thấp.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 31/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 29/03		So với 28/03		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									30/03	31/03	01/04	02/04	03/04
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	129	4	▲	-3	▼	25	▲	131	133	135	137	139
					Hmin	-29	0	◀▶	-7	▼	-30	▼	-27	-17	-6	6	-5
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	130	-2	▼	-8	▼	27	▲	132	134	136	138	140
					Hmin	-50	-3	▼	-14	▼	-27	▼	-48	-38	-27	-15	-26
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	118	-1	▼	14	▲	19	▲	120	122	124	126	128
					Hmin	19	-1	▼	-4	▼	-12	▼	22	28	35	40	29
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	135	-1	▼	-13	▼	26	▲	137	139	141	143	145
					Hmin	-44	-5	▼	-22	▼	-39	▼	-42	-32	-21	-9	-20
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	143	0	◀▶	-12	▼	34	▲	145	147	149	151	153
					Hmin	-46	-4	▼	-14	▼	-12	▼	-44	-34	-23	-11	-22
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	134	-1	▼	-6	▼	27	▲	136	138	140	142	144
					Hmin	-45	-4	▼	-11	▼	-29	▼	-43	-33	-22	-10	-21
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	35	-6	▼	5	▲	2	▲	33	31	30	29	28
					Hmin	8	-2	▼	5	▲	-1	▼	6	8	10	7	4
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	28	-3	▼	10	▲	3	▲	26	24	22	20	18
					Hmin	18	-3	▼	6	▲	-4	▼	16	14	12	10	8
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	34	-3	▼	5	▲	-5	▼	32	30	28	26	24
					Hmin	25	-2	▼	1	▲	-8	▼	23	21	19	17	15
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	35	-3	▼	4	▲	-1	▼	33	31	29	27	25
					Hmin	28	-2	▼	2	▲	-2	▼	26	24	22	20	18
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	45	-1	▼	8	▲	3	▲	43	41	39	37	35
					Hmin	37	-1	▼	5	▲	2	▲	35	33	31	29	27
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	44	-7	▼	11	▲	10	▲	42	40	38	36	34
					Hmin	11	-4	▼	3	▲	-2	▼	10	9	8	7	6
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	55	-8	▼	10	▲	23	▲	53	51	49	47	45
					Hmin	36	0	◀▶	5	▲	13	▲	35	34	33	32	31
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	47	-4	▼	7	▲	12	▲	45	43	41	39	37
					Hmin	34	-3	▼	3	▲	7	▲	32	30	28	26	24
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	30	-3	▼	13	▲	12	▲	28	26	24	22	20
					Hmin	17	-4	▼	8	▲	4	▲	15	13	11	9	7
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	76	-5	▼	17	▲	28	▲	74	72	70	68	66
					Hmin	51	-3	▼	8	▲	17	▲	49	47	45	43	41
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	92	-13	▼	8	▲	23	▲	90	88	86	84	82
					Hmin	41	-4	▼	2	▲	7	▲	39	37	35	33	31
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	69	-8	▼	13	▲	14	▲	67	65	63	61	59
					Hmin	37	-3	▼	3	▲	1	▲	35	33	31	29	27

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	56	-7	▼	12	▲	7	▲	54	52	50	48	46
					Hmin	35	-3	▼	2	▲	0	◀▶	33	31	29	27	25
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	38	-7	▼	8	▲	6	▲	36	34	32	30	28
					Hmin	26	1	▲	4	▲	12	▲	24	22	20	18	16
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	25	-4	▼	8	▲	-7	▼	23	20	17	20	23
					Hmin	0	1	▲	-7	▼	18	▲	0	1	2	0	-3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	50	-5	▼	13	▲	11	▲	48	43	35	45	50
					Hmin	-24	3	▲	11	▲	6	▲	-23	-23	-25	-27	-29

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





